

các điển cố trong bài **VĂN TẾ TRẬN VONG TƯỚNG SĨ**
của Tiền quân Nguyễn Văn Thành

Hoàng đạo Lượng

BPT: Cụ Hoàng Đạo Lượng, một AHCCC lão thanh, ra Trường CDCC năm 1924, năm nay cự 94 tuổi, tinh thần cũng như sức khoẻ còn rất minh mẫn, an khang. Cụ viết thư này (13 trang viết tay, nét bút rất đẹp, lời văn rất mạch lạc, điển tích rành rẽ. Xin gửi đến AH năm chầu món quà đầu năm của một AH đàn anh khả kính.

Nhận được LT kỳ này (số 60 tháng Bảy 1993), tôi rất thích thú đọc lại bài Văn Tế Trận Vong Tướng Sĩ của Tiền quân Nguyễn Văn Thành.

Xưa kia, khi còn đi học, tôi đến học nhờ nhà một ông bạn anh tôi, ông ấy có mua báo Nam Phong. Tôi rất say mê những bài thơ phú đăng trong báo ấy. Nhưng từ khi vào trường Công Chánh rồi ra đi làm, tôi không được đọc báo ấy nữa, vì ở nhà không có.

Nhưng dù có báo ấy, thì trải qua biết bao nhiêu cuộc dâu bể biến đổi đau thương, những vật "hữu hình" quý giá hơn nhiều còn bị tan tành ra mây khói, huống chi là mất tập báo cổ ấy. May sao tôi đã ghi chép được một số bài thơ phú vào cuốn sổ

"vô hình" của tôi, và cũng may sao, tôi cũng còn giữ được cái thân "hữu hình" tàn tạ nhưng nguyên vẹn này, để ngày nay lại có thể mở cuộn sổ ấy ra.

Cuốn sổ tuy không bị tan thành ra mây khói, nhưng sau ba phần tư thế kỷ tang thương, nó không tránh khỏi ảnh hưởng tàn hại của thời gian, làm phai mờ đi nhiều. Bài Văn Tế này là một trong số ít bài ít phai mờ hơn cả. Nay tình cờ được đọc lại bài Văn Tế ấy, nói là do cụ bà Nguyễn Dần còn giữ được (phải chăng là cụ kỹ sư mỏ Nguyễn Dần phu nhân, cụ kỹ sư Tổng Giám đốc Công Chánh ở Hà Nội xưa?), tôi được dịp mở lại cuốn sổ của tôi ra so sánh, thì thấy có vài điểm nhỏ hơi khác. Nhưng tôi chắc rằng phần đúng là tài liệu của cụ bà Nguyễn Dần, mà phần sai là do cuốn sổ của tôi đã phai mờ. Tuy vậy, tôi cũng xin trình bày ra đây, để quý vị nhàn lâm, khi trà du tửu hậu.

Bài Văn Tế gồm 26 câu, mỗi câu có hai vế đối nhau, có một vần trắc (độc vận) ở cuối vế dưới, như hầu hết các bài phú, mà văn tế là một thể phú. Để tránh khỏi nhắc đi nhắc lại mỗi

câu, tôi chỉ nói đến số thứ tự mỗi câu, từ 1 đến 26, trong bài trình bày sau đây.

Câu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13

Văn nị thọ trụ chủ độ cũ
khổ cổ số võ độ cổ phủ

Câu số 14, 15, 16, 17, 18, 19,
20, 21, 22, 23, 24, 25, 26

Văn cò lộ số ủ có thú gió đó
đỗ dỗ dù Vũ lộ

Câu 1.- "Đông phố" và "Sóc cảnh": "Đông phố" chỉ miền Nam, "Sóc cảnh" chỉ phương Bắc; ý nói nhà Nguyễn khởi từ miền Nam và dần dần tiến ra đất Bắc. "Lô Hà" là sông Lô, "Lương Giang" là tên sông Nhị Hà vùng Phú Lương. Nhị Hà có một vài tên khác ở thượng lưu, tùy theo địa phương. Từ Sơn Tây trở xuống thì gọi là Nhị Hà, vì sông chảy quanh co uốn khúc như hình cái vành tai. Chữ "Nhị" (dúng âm là Nhĩ, nhưng nhiều người quen gọi là Nhị) một bên có chữ "Nhĩ" là tai.

Câu 2.- "Cho hay" sinh là ký tú là qui, "Mới biết" mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ. "Cho hay" nghĩa là nay bảo cho biết. "Mới biết" là sự tất nhiên bao giờ

cũng thế, nhưng thật ra thì "mệnh yếu danh thọ" đâu phải là sự tất nhiên, những tử sĩ có danh rất hiếm, còn đại đa số là tử sĩ vô danh, có chăng chỉ là thân nhân mà thôi. Tôi ghi trong sổ:

"Đã hay": sinh là ký "và" tử là quy

"Nhưng": mệnh ấy yếu mà danh ấy thọ.

Về trên thêm chữ "và" cho đủ 7 chữ như về dưới và đối nhau. "Đã hay" là ai cũng biết thế rồi, rằng "sinh ký tử quy" là sống gửi thác về, ai cũng thế cả, kè trước người sau. "Đã hay" và "nhưng" là lời nói thêm, để an ủi vong hồn tử sĩ, rằng sinh ký tử quy không ai tránh khỏi, thì các tử sĩ chẳng nên bùn, đó là mệnh trời, "nhưng" mệnh tuy ngắn mà danh thơm còn dài.

Câu 3.- "Xót thay!" tình dưới viên mao, phận trong giới trụ. "Viên mao" là tên cò, "giới trụ" là áo dày và mũ sắt đội khi ra trận. "Tình dưới viên mao" là tình chiến hữu dưới cò, "phận trong giới trụ" là bốn phận đánh giặc an bang. Nói đến "tình" và "phận" là sự tất nhiên phải như thế, có gì đâu là đau sót mà phải than rằng "Xót thay"? Cuốn sổ tôi ghi: "Ai ơi!" tình dưới viên mao, phận trong giới trụ, "Ai ơi!" có ý nhắc lại cho nhớ "tình" và "phận".

Câu 4.- "Đất Bá" là nơi khởi nghiệp của Lưu Bang, sau là Hán Cao Tổ, lúc đầu được người ta gọi là Bá Công. Diển tích "non Kỳ" tôi không rõ. Về dưới, "cựu" là cũ, "cố" cũng là cũ, nhưng "cựu chủ" có hàm ý là

chủ cũ mà nay có thể có chủ khác, còn "cố chủ" thì không có ý nói đến chủ khác. Tôi ghi: cõm áo nặng dày ờn "cố" chủ.

Câu 6.- Về dưới "Chốn sa cơ" có nghĩa là nơi đã bị thảm bại, bị thất thế, khó ngóc đầu lên được nữa. Tôi ghi "chốn sơ cơ", nghĩa là nơi khởi thủy, bắt đầu, "sơ" là mới. Về trên chữ "non Tây" là chỉ quân Tây Sơn. "Việt mao" cũng là tên cò.

Câu 8.- "Đã mấy buổi", tôi ghi "trải mấy buổi", nghĩa không khác nhưng nặng nhẹ có hơi khác.

"Trời cao quang" là trời cao rộng. Tôi ghi "trời cao quang" là trời cao sáng, sáng nên "soi tỏ tấm kiên trinh". Chữ "quang" vẫn trắc hơi khổ độc, chữ "quang" vẫn bằng, nghe xuôi hơn, đối với chữ "Thục" là vẫn trắc ở vế dưới. "Thục" là đất của Lưu Bị trong Tam Quốc.

Câu 9.- Về dưới: "Trường tranh đấu" biết đâu là mệnh số. Tôi ghi "Trường chiến đấu", bấy giờ là trên bãi chiến trường, "chiến đấu" mạnh hơn "tranh đấu".

Câu 10.- Năm lồng hồng theo đạn lạc tên bay

Phong da ngựa "để" mặc bèo trôi sóng vỗ.

Về dưới thừa chữ "để". "Lồng hồng" là lồng ngỗng, người chiến sĩ coi cái chết nhẹ như lồng ngỗng. "Phong da ngựa", người chiến sĩ chết trên bãi chiến trường, lấy da ngựa bọc thiêy.

Câu 11.- Về dưới: "Lập loè lửa trọi" soi chừng cổ độ. "Lửa

trọi" thì không có nghĩa. Tôi ghi "Lập loè lửa chói" để soi.

Câu 12.- "Khác số đoàn tu", "đoàn" là ngắn, người chết yếu, "tu" là dài, người được thọ. Về dưới: "Chia phần kim cổ", "kim" là nay, người còn sống, "cổ" là xưa, người đã chết.

Câu 13.- "Đoái" tiếc xương đồng da sắt (6 chữ)

"Những là" khen dạ đá gan vàng (7 chữ)

Tôi ghi: "Đoái là" tiếc xương đồng da sắt

"Nhưng mà" khen dạ đá gan vàng

"Nhưng mà" đảo ngược lại ý "tiếc" mà thay bằng lời "khen".

Câu 15.- Thân "chả" quản màn sương đêm "gió", những chờ cao thấp "bực can trường". Tôi ghi: Thân "chẳng" quản màn sương đêm "giá", những chờ "xem" cao thấp "bút cân thường" (thêm chữ xem).

"Bực can trường" hay "bức cân thường", tôi đều không hiểu, có lẽ tôi đã ghi sai, hoặc sổ phai mờ, hoặc là còn dốt.

Câu 16.- Vâng thương đức "mối" hồi loan tháng trước... Đội ân quang gieo khắp "xuống" đèo Ngang.

Mà những người "tùng" thương trận ngày xưa... Treo tinh tú để nằm trong lá số.

Sổ của tôi thêm hai chữ "mối" và "tùng", và một chữ "xuống" ở vế trên để cân đối với vế dưới. "Tinh" là họ, "tụ" là tên chữ.

Về dưới: "Sắp tấn công" tự Ngọ Vị Thân Dậu đến giờ. Tại

sao từ bốn năm ngọ mùi thân đậu đến giờ mà vẫn còn "sắp tấn công", thế thì bao giờ mới tấn công? Hai chữ "tấn công" là danh từ mới trong thế kỷ này. Hai trăm năm trước chưa có danh từ ấy. Bốn năm ngọ mùi thân đậu là bốn năm chinh chiến; mậu ngọ 1798, kỷ mùi 1799, canh thân 1800, tân đậu 1801, vua Gia Long lên ngôi năm nhâm tuất 1802 (1).

Hết chinh chiến rồi, thì một mặt sửa sang việc nước, và một mặt phải tỏ ra không quên công lao các chiến sĩ, người còn sống sẽ được ban thưởng, nhưng người đã chết thì phải làm sao? Phải lập ngay đàn tế (vì thế mà có bài văn tế để đọc lúc tế), để an ủi các vong hồn và húia sẽ không quên công lao của họ, nhưng việc này chưa thể làm ngay được, vì còn phải lục tìm

số sách đã ghi công trạng, rồi làm sổ tâu lên vua. Bấy giờ mới quyết định việc thường công, người sống được hưởng đã đành, còn người chết thì cha mẹ vợ con sẽ hưởng hai câu 23 và 24 nói. Thế thì

câu 16, vế dưới là: Mà những người từng thương trận ngày xưa, "rắp tâu công" từ ngọ vị thân đậu đến nay, treo tinh tú để nằm trong lá số. "Rắp tâm" là nay mai sẽ tâu vua.

Câu 17.- Vế dưới: Dịp trống "đồn hoa", hai chữ "đồn hoa" không có nghĩa, tôi ghi là: Dịp

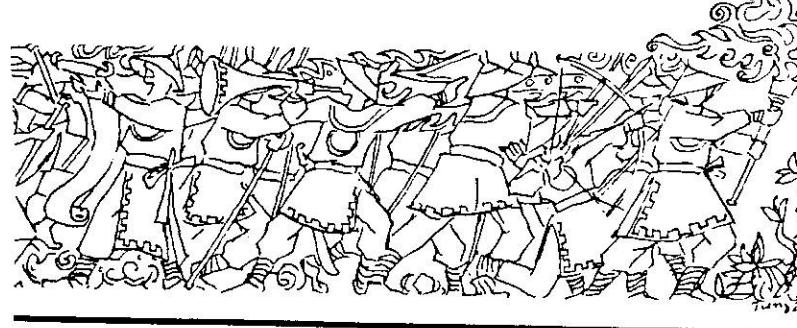
trống "đồn hoa", đối với ngọn cội "rúc nguyệt" ở vế trên.

Câu 18.- Vế dưới: Phận thủy có phận chung sao "không" có, tôi ghi sao "chẳng" có, nghĩa cũng thế, nhưng chữ chẳng nghe mạnh hơn, và "chẳng có" là vẫn trắc, đối với hai chữ "là không" vẫn bằng ở vế trên, nghe chính hơn.

Câu 19.- Bản chúc nay, cần có dấu phẩy sau chữ "nay" để tách ba chữ thêm này, vì hai vế là: Vâng việc biên phòng, tranh niêm viễn thú. Câu 20.- Vế dưới: Trong nhà "rõ" vê áo xiêm, tôi ghi là "rạng" vê áo xiêm, "rõ" nghĩa là rõ ràng, "rạng" là rạng rõ, đúng hơn.

Câu 21.- Bằng khuông kẻ khuất "vói" người còn,

Tưởng "tượng" thày đâu thì tố đó.



Cần thêm chữ "vói" ở vế trên và chữ "tượng" ở vế dưới, thì hai vế mới đối nhau.

Câu 23 là lời nhủ các vong hồn về dự buổi tế.

Câu 24 là lời an ủi và húia hẹn. Vế trên: "Cũng trở về" thì không đúng ý lời nhủ, tôi ghi "cũng chờ nè" kẻ trước người

sau, rồi sẽ tâu vua cho tất cả, như thế đúng hơn. Vế dưới nói rằng ai có cha già mẹ yếu, vợ già con côi, đều sẽ được ban ơn tuất dù.

Câu 25.- Vế dưới: Bốn chữ "non Thang nước Vũ" không đối với "ngày tháng Thuấn Nghiêu" ở vế trên. Hơn nữa "non Thang nước Vũ" có vẻ như là hai điển tích riêng. Tôi ghi "nước non Thang Vũ", là tình trạng trong nước đối với vua Thang Vũ (Thành Thang, vua tổ nhà Thương, vua Vũ, vua tổ nhà Hạ). Vua Nghiêu nhà Đường, vua Thuấn nhà Ngu, vua Vũ nhà Hạ, vua Thành Thang nhà Thương là bốn vua đời thương cổ bên Tàu, từ năm 2357 đến năm 1754 trước kỷ nguyên. Trong thời đại này, dân chúng được hưởng thái bình, vì các vua đều lấy đạo đức nhân nghĩa trị nước an dân.

Câu 26.- Vế trên: Kiếp tái sinh lại nhận của tiên quân, là nhủ các vong linh kiếp sau lại đến với ta để nối lại tình thày trò. Tiên quân là chúc của Nguyễn Văn Thành trong thời chinh chiến. Có năm đạo quân là tiên, hậu, tả, hữu, và trung quân.

Vế dưới: Duy vạn kỷ "chưa" dời ngôi bảo tộ, chữ "chưa" còn có ý là sẽ có ngày, tôi ghi là "chẳng" dời ngôi, nghĩa là chẳng bao giờ. Bấy giờ báo Nam Phong ghi chú ở cuối bài là:

Khai quốc công thần Nguyễn triều Tiền quân Nguyễn Văn Thành, chúc này có phần cao quý hơn chức quan Tổng Trấn Bắc hà.

Trên đây tôi đã trình bày ngu ý của tôi về bài Văn Tế, chắc rằng không khỏi có nhiều điều sai lầm thiếu sót, kính mong quý vị cao minh sáng suốt hiểu biết hơn chỉ bảo cho. Vạn tạ.

Trong khi bình luận câu văn, thoảng hoặc một đôi khi tôi có lỡ lời không dẹp ý cụ bà Nguyễn Dần, thì kính xin cự rộng lòng đại xá cho kẻ già nua lầm cấm này, quả tình trong thâm tâm trước sau vẫn một niềm tôn kính, chẳng dám có mảy may lòng thất kính.

*

**

Cuối bài Văn Tế có mấy chữ: Duy vạn kỷ chẳng dời ngôi bảo tộ. "Tộ" là phúc, là ngôi (ngôi vua). "Vạn kỷ" là nhiều năm lăm, ngôi vua sẽ tồn tại, đó là lời ước mong, lời cầu chúc.

Cầu chúc thì như thế, mà thầm thoát mới có đúng 60 năm, là năm 1862, chưa đầy 2/3 thế kỷ, đã mất một nửa Nam Kỳ cho ngoại bang, là ba tỉnh phía đông Biên Hòa, Gia Định, Định Tường (bấy giờ Nam Kỳ có tên là Lục Tỉnh). Năm năm sau lại mất nốt ba tỉnh phía tây Vĩnh Long An, Giang, Hà Tiên. Thế là miền Nam phì nhiêu không còn là đất của nhà vua nữa.

Chẳng khác gì con trăn nuốt miếng mồi, nó nuốt dần dần cho đến năm 1884 thì nuốt hết,

toàn cõi đất nước từ Bắc vào Nam phải chịu dưới ách quân xâm lăng, vua tôi triều đình chỉ còn là những pho tượng vô hồn, không biết gì đến việc dân việc nước nữa.

Tại sao thế? Chỉ vì chữ "tộ" là phúc, đã biến thành chữ "tội", tội của ông Tổ (2) đã rước voi về dày mò! Để giải quyết việc bất hòa tranh chấp giữa anh em trong nhà, ông đã mù quáng cầu cứu đến những tên giặc cướp bên ngoài, do đấy mà sinh tai họa. Thật ra bọn chúng có giúp được gì đâu, trong sú ký không thấy nói đến công trạng của một tên nào cả. Ngay khi Võ Tánh, vừa là tướng tài bậc nhất, lại vừa là em rể Nguyễn Vương, bị vây hãm trong thành Bình Định không thoát ra được, bọn chúng cũng chẳng giúp được gì để giải vây, đến nỗi Võ Tánh và Ngô Tòng Chu phải tử tiết để cứu mạng các tướng sĩ.

Đã không có công gì, mà bọn chúng còn lợi dụng cơ hội để truyền bá ngoại đạo, rồi sau lấy cớ vài tên truyền giáo của chúng bị sát hại để đem quân vào, nói là để bảo vệ, nhưng chủ ý là chiếm cứ dần dần cho đến khi hoàn tất mưu gian xâm lược. Cái tội "rước voi dày mò" rành rành như thế, làm sao chối cãi?

Ngoài ra, ông Tổ ấy còn có những hành động rất đáng chê. Một trong những hành động ấy là trả thù vào năm xương tàn của người đã chết. Trong khi người ta còn sống, thì cong đuôi mà chạy, nhiều phen không còn chốn nương thân, chỉ sờm muộn

một chút nữa là bị bắt. Sau khi người ta chết, thế quân suy yếu, bấy giờ mới dần dần thắng được. Nay quyền đã nắm trong tay, thì muốn làm gì mà chẳng được, huống chi là việc sai đào mả lên, đem đống xương khô cùm xích trong ngực tối? Có biết đâu rằng một người anh hùng xuất chúng như Nguyễn Huệ, khi đã bỏ lại xác thân vật chất rồi, thì hồn thiêng đã bay bổng lên những cõi thanh nhẹ cao xa, chẳng còn luẩn quẩn noi trán tục ô trọc này nữa, huống chi là đống xương tàn, nó sẽ trở về với cát bụi? Hành động ấy là hành động đê tiện của kẻ tiểu nhân, đâu phải là việc làm của một vị minh quân yêu nước thương dân? Thương dân gì đâu? Luật Gia Long là bộ luật độc ác vô nhân đạo. Tôi kể bấy nhiêu là đủ lầm rồi, kể nữa thêm rườm rà vô ích. Nguyễn Huệ, vị anh hùng áo vải, cùng với anh là Nguyễn Nhạc, khởi binh từ ấp Tây Sơn thuộc Bình Định, có sức khoẻ vô địch, lại có mưu trí quyền biến, mèo mục như thằn, tài cầm quân giỏi tuyệt vời, đem 10 vạn quân thản tốc ra Bắc, chỉ một trận oai hùng đánh tan 30 vạn quân nhà Thanh (20 vạn chiếm Thăng long, 10 vạn đóng vùng Sơn Tây, Phú Thọ tiếp ứng). Tôn Sĩ Nghị nuốt đêm được tin báo, kinh hồn táng đảm, không dám kháng cự, hoảng hốt chẳng kịp thắng yên mặc giáp, nhảy lên ngựa qua sông, cắm đầu chạy thẳng một mạch, bỏ lại cả ấn tín của vua Tàu. Quân sĩ thây chất thành núi ở Đồng Đa, xác trời đầy sông trên Nhị Hà, thật là

một trận toàn thắng vẻ vang, xưa nay chưa từng có, có lẽ không bao giờ có (không tiền khoáng hậu).

Đại quân đóng vùng Sơn Tây nghe tin Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy, cũng rút quân chạy về Tàu.

Đến trưa thì vào thành Thăng Long, sai tướng đem binh đuổi đánh quân Thanh đến ải Nam Quan. Ngày hôm ấy vua Quang Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen nhu mực. Hai bàn tay bị máu đông chặt cứng, phải ngâm vào nước nóng hối lâu mới rút được kiếm ra. Trước khi xuất quân, Vua Quang Trung truyền cho tướng sĩ ăn tết vào ngày tết ông táo 23 tháng chạp, và hẹn sẽ ăn tết lần thứ hai tại Thăng long ngày khai hạ mùng 7 tháng giêng, nhưng hôm ấy mới là mùng 5 tháng giêng đã vào thành Thăng long rồi.

Sầm Nghi Đống bị vây ở Đống Đa, bí thế thắt cổ chết. Về sau khách trú tại Thăng Long lập đền thờ tại một ngõ thông từ phố Hàng Buồm sang phố Hàng Bạc và gọi tên là ngõ Sầm Công, nghĩa là "ông họ Sầm", nghe nói linh thiêng. Khi Hồ Xuân Hương viếng đền, đề bài thơ rằng:

Ghé mắt trông sang thấy bảng treo,

Kia đèn thái thú đứng treo leo.

Ví đây đổi phận làm trai được,
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?

Dưới con mắt của một gái nước Nam còn chẳng coi ra gì, thì còn linh thiêng với ai? Từ đấy đèn mắt thiêng, chắc rằng

hồn họ Sầm thấy bốn câu ấy thất kinh hổ thẹn, bat đi nơi khác.

Ngoài ấn tín. Tôn Sĩ Nghị còn bỏ lại cả mật dụ của vua Càn long nhà Thanh, đại ý nói muộn tiếng giúp vua Lê để chiếm nước ta. Vua Quang Trung bảo Ngô Thời Nhiệm; "Chúng bị một trận đại bại, xấu hổ, chắc sẽ đánh báo thù. Nước ta nhỏ bé, nếu chiến tranh kéo dài thì chỉ khổ dân, vậy nên dùng lời nói khéo để giảng hòa." Vua Tàu tuy túc giận, nhưng nghe lời can của đình thần, rằng nước Nam đang thế mạnh, dù có thắng được cũng hao binh tổn tướng nhiều, nên dành chịu bãi binh.

Đáng tiếc rằng người anh hùng hiếm có như Nguyễn Huệ không thọ lâu, làm vua được có 4 năm (1788-1792), mới 40 tuổi, nếu còn sống thêm một vài chục năm nữa, thì cục diện nước ta sẽ khác hẳn.

Ông là một ông vua có tư tưởng cải cách, như dùng quốc văn (chữ nôm) trong các công hàm thay chữ Hán vẫn dùng từ xưa. Như thế thì biết đâu rằng sau này nước ta sẽ không theo gương nước Nhật mà hòa hiếu với Tây Phương, không như các vua nhà Nguyễn thiển cận, khu khu rằng thiên triều (Tàu) là nhất, thấy người Tây Phương dị dạng, cho là man di. Và nếu như thế thì cũng biết đâu rằng nước ta sẽ không tiến hóa như Nhật, hoặc không bằng họ thì cũng không đến nổi thua kém một trời một vực như ngày nay. Họ thì lên đến trời xanh, mình

thì sa xuống vực thẳm.

Dù không thể đi nữa, nếu dời Nguyễn Huệ không quá ngắn ngủi, thì ít ra cũng không có nhà Nguyễn Gia Long cõng rắn cắn gà nhà, rước voi dày mồ, không có ách thống trị của ngoại bang trong ba phần tư thế kỷ, không có kẻ vô ngực tự xưng là "người yêu nước" muốn đuổi con thú dữ nọ lại đi rước con thú dữ kia còn tệ hại gấp mười, không có hàng triệu dân vô tội phải bỏ nước ra đi, phần thì phiêu bạt tha phương sống nhở lòng từ bi bác ái của người thiên hạ (ấy là những kẻ may mắn nhất), phần thì làm mồi cho cá, phần nữa đến nay vẫn còn quẩn quại trong các trại ngoại bang, kéo dài dời sống tuyệt vọng không biết đến kiếp nào. Ôi! Tủi nhục!!! Một mũi nào còn dám khoe rằng 200 năm trước tổ tiên oanh liệt oai hùng? Từ khi nước ta lập quốc, khởi đầu triều đại Hồng Bàng, khi vua Kinh Dương Vương lên ngôi 2879 năm trước kỷ nguyên, đến nay được 4872 năm, chưa bao giờ dân ta phải tủi nhục như bây giờ!

Viết đến đây, tôi xin ngừng bút, nếu cứ theo cái đà này của ngọn bút mà dốc bàu tâm sự, thì thao thao bất tuyệt, viết mãi không cùng. Thôi thì:

Quên đi chuyện cũ cho xong,
Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu...

Sau một thời gian sống dưới lá cờ màu máu lần nữa, tôi bị mấy trận ốm nặng, đã tưởmg không chờ đợi được đến ngày ra đi. Từ khi đặt chân lên đất tự

do này, lòng mừng vô hạn, nhân đây sức khoẻ dần dần khá hơn. Ra khỏi chốn bùôn thảm tối tăm, đến ngay nơi phồn hoa tráng lệ, chẳng khác ở từ địa ngục một bước lên天堂 tiên cung! Được lúc thanh nhàn cả thân và tâm, tôi ngâm nga mấy câu cảm hứng:

*Tâm mươi tu tuổi vẫn chưa già.
Trời đất vô cùng mãi với ta.
Ngược mắt trông lên gồm vũ trụ, (trời vô cùng)
Gieo chân đạp xuống khấp sơn hà. (đất vô cùng)
Tiêu dao ngày tháng cùng trăng gió,
Di dưỡng tâm thần với cỏ hoa. (cảnh tiên)*

*Uớm hỏi Đào Nguyên đâu đó tá?
Đào Nguyên nào phải ở cao xa? (ở ngay trong tâm)*

Đào Nguyên là nguồn đào, là Bồng lai, là tiên cảnh.

Chẳng bao lâu, con cháu tôi còn lại cũng được sang đoàn tụ đủ, tôi càng mừng hơn. Nhưng nghĩ đến những người ở lại, nghĩ đến đất nước quê hương, tôi không khỏi ngậm ngùi.

*Tranh lòng cố quốc tha hương
Đường kia nỗi nợ ngôn ngang bời bời.*

Tôi lại có mấy câu cảm hứng:

*Trải qua ba vạn lẻ nghìn ngày,
Dâu bể bao lần đã đổi thay.
Nước gấp bạo tàn dành cách biệt,
Nhà tuy ly túm lại xum vầy.
Nghĩ mình yên ổn nơi sung túc,
Thương kẽ làm than chốn đọa đầy.
Thầm thoát trăm năm nhường*

giác mộng,
*Nặng lòng con cuốc ngút ngàn bay.
Ngú-ú-út ngà-à-àn ba-a-ay.....*

Kính thư
Hoàng Đạo Lượng

(1) Nguyễn Vương (Nguyễn Ánh) chống nhau với quân Tây Sơn từ năm 1778, khi mới 17 tuổi. Nhưng trong thời gian Nguyễn Huệ còn sống, thế quân Tây Sơn rất mạnh, thì chỉ chạy dài. Sau khi Nguyễn Huệ (vua Quang Trung) mất năm 1792,

thế Tây Sơn dần dần suy yếu, nhân đây Nguyễn Vương mới thắng.

(2) Từ đời nhà Lý về sau, mỗi triều đại có một ông Tổ, như Lý Thái Tổ, Lê Thái Tổ, duy nhà Trần không có Tổ, mà đến đời nhà Nguyễn lại có đến 5 ông Tổ: Nguyễn Kim là Triệu Tổ Tinh hoàng đế, Nguyễn Hoàng là Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế, Gia Long là Thế Tổ Cao hoàng đế, Minh Mạng là Thánh Tổ Nhân hoàng đế, Thiệu Trị là Hiển Tổ Chương hoàng đế. Hai ông đầu được truy tặng, ba ông sau đều tự xưng.

Ngày 9 tháng 7 năm 1993

Kính thưa cụ AH Hoàng Đạo Lượng
Ban Phụ Trách LT đã nhận phong thư dày 13 trang của cụ.

Cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi là không một AH nào, kể cả lớp cao niên đến trung niên, có thể viết tay 13 trang giấy với nét bút rất đều đặn, rõ ràng, không một xóa bỏ, điều chỉnh, không khác gì những trang thư đánh máy, có đoạn chữ đúng, đoạn chữ xiên để trích dẫn. Nét bút của cụ đã nói lên tinh thần minh mẫn và sức khoẻ vượt thời gian của cụ.

Đọc qua bài cụ viết, lại càng khâm phục lối hành văn, trí nhớ và tư tưởng cao đẹp của cụ. Chúng tôi xin bái phục và trân trọng thay mặt AHCC và anh em trong BPTLTCC vinh danh cụ và cảm tạ lòng nhiệt thành của cụ đối với đồng nghiệp, đối với LTCC.

Chúng tôi sẽ xin đăng nguyên văn 13 trang thư của cụ lên LT để anh em CC khắp năm châu được đọc văn hay ý đẹp của cụ.

Thân kính chúc cụ sống ngoài trăm tuổi.

Thay mặt AHHCC và BPT

Lê Khắc Thi